

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2019

V/v: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Ngọc Hồng**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

2. Ông **Dương Tấn Đầu**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc:** Ông **Hoàng Văn Thái** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Mỹ T**, sinh năm 1994

Bị đơn: Anh **Triệu Văn H**, sinh năm 1993

Con chung: Cháu **Triệu Quốc H**, sinh ngày 06/02/2016

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn D, huyện P, tỉnh K.

*(Chị T có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Phan Thị Mỹ T** trình bày: Năm 2015 chị và anh H tìm hiểu và tự nguyện đến với

nhau chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện P, tỉnh K, theo giấy chứng nhận kết hôn số 321/2015, quyển số 02 ngày 04/12/2015.

Sau khi kết hôn được vài tháng thì chị phát hiện anh H có sử dụng ma túy đá, mặc dù chị đã khuyên ngăn nhưng anh H không bỏ mà còn dẫn bạn bè về nhà sử dụng. Chị chạy báo Công an nhưng bị anh H bắt lại đánh đập mặc dù chị đang mang thai. Sau nhiều lần sử dụng anh H không còn tỉnh táo, luôn đánh đập chị. Gia đình cùng với Công an thị trấn Dương Đông đã gửi đi cai nghiện 06 tháng tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Kiên Giang vào tháng 5/2016. Nhưng sau khi trở về thì anh H tái nghiện, tiếp tục sử dụng ma túy đá, không lo cho gia đình mà thường xuyên đi vắng nhà vài hôm mới về, mỗi lần về thì kiểm chuyện đánh đập, dùng những lời lẽ khó nghe để lăng mạ chị, thậm chí còn dùng dao Thái lan kẻ cồ đòi giết chị và con. Trong nhà và trên phòng ngủ, dưới gối nằm anh H đều để dao khắp nơi để hăm dọa mạng sống của chị. Ngoài ra, anh H còn phá hoại tài sản của chị như xe, điện thoại, rồi còn đánh cả con, mặc dù cháu còn rất nhỏ, nhiều lần như vậy nên chị có nhờ Công an can thiệp thì anh H có viết biên bản nhiều lần nhưng không bỏ, có lần đi về anh H hăm dọa sẽ giết chị và con, anh H dùng dao chạy đến định đâm chị nhưng có người thân can ngăn nên chị chỉ bị thương nhẹ.

Từ những lý do trên, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, và chị rất lo sợ cho tính mạng của chị và con khi phải sống với anh H nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị với anh H có một người con chung tên Triệu Quốc H1, sinh ngày 06/02/2016. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

**Tại bản tự khai bị đơn anh Triệu Văn H trình bày:** Anh và chị Phan Thị Mỹ T kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Dương Đông.

Quá trình chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì. Nay anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện nên trong thời gian này anh không đồng ý ly hôn với chị T bất kỳ mọi trường hợp xin chờ anh về. Nếu Tòa án cho ly hôn thì về con

chung anh xin dành quyền nuôi con. Tài sản và nợ thì không có. Đồng thời, anh cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt vì hiện tại anh đang ở Cơ sở cai nghiện, anh yêu cầu đồng viên chị T để vợ chồng đoàn tụ.

\* Kiểm sát viên có ý kiến cho rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định. Đối với Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa cho đến thời điểm trước nghị án. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh H. Giao con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản và nợ không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Triệu Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 321/2015, quyền số 02 ngày 04/12/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày sau khi kết hôn được vài tháng thì chị phát hiện anh H nghiện ma túy và có hành vi đánh đập chị và phá hoại tài sản. Chị đã nhiều lần báo Công an và đưa anh H đi cai nghiện 06 tháng vào tháng 05/2016. Tuy nhiên, sau khi về anh H không thay đổi mà tiếp tục tái nghiện và tiếp tục đánh đập chị, thậm chí còn kẻ dao hăm dọa đòi giết chị và con nên Công an đã lập hồ sơ và Tòa án có Quyết định đưa anh H vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 14 tháng, từ tháng 8/2018 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị rất lo sợ cho tính mạng của chị và con khi phải tiếp tục sống với anh H nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

Tại bản tự khai cũng như đơn xin xét xử vắng mặt anh H cho rằng giữa anh và chị T trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì và yêu cầu được đoàn tụ.

Tại phiên tòa chị T khẳng định không còn tình cảm với anh H nên không thể tiếp tục chung sống được nữa vì anh H là người nghiện ma túy, đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện, chẳng những vậy anh H còn đánh đập, hăm dọa đến tính mạng của chị và con nên chị khẳng định không muốn đoàn tụ với anh H và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H.

Tại biên bản xác minh Công an thị trấn Dương Đông xác nhận: Khoảng thời gian năm 2018 đương sự chị Phan Thị Mỹ T có đến trình báo công an về sự việc anh Triệu Văn H có sử dụng ma túy và nhiều lần đánh đập, chửi bới chị và phá hoại tài sản. Khi công an xuống làm việc thì qua xác minh là có sự việc trên nên có mời anh H lên công an làm việc, tuy nhiên anh H bỏ trốn không chịu làm việc với công an. Công an vẫn xuống địa bàn xác minh vụ việc và xác nhận việc anh H có đánh đập chị T và phá hoại tài sản trong nhà.

Xét thấy anh H là người nghiện ma túy, có hành vi đánh đập, hành hung chị T và phá hoại tài sản trong gia đình dẫn đến tình cảm của chị T đối với anh H không còn, cuộc sống vợ chồng giữa anh chị thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa chị T khẳng định không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H có một con chung tên Triệu Quốc H1, sinh ngày 06/02/2016, chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1. Xét thấy anh H đang phải cai nghiện ma túy nên không đủ điều kiện để chăm sóc cháu H1. Đồng thời, cháu H1 chỉ mới được 39 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ và hiện tại cháu H1 cũng đang sống với chị T và chị T có đủ điều kiện để chăm sóc cháu H1. Do đó, vì quyền lợi về mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Triệu Quốc H1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh H trình bày là không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh H xác nhận không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ T được ly hôn với anh Triệu Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Triệu Quốc H1, sinh ngày 06/02/2016 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị T và anh H có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh H xác nhận không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002547 ngày 07/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp xong. Anh H không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Ngọc Hồng**